

TỰ TÌNH

(Bài II)

A – MỤC TIÊU BÀI HỌC

Giúp HS :

– Cảm nhận được tâm trạng vừa buồn tủi, vừa phẫn uất trước tình cảnh éo le và khát vọng sống, khát vọng hạnh phúc của Hồ Xuân Hương.

– Thấy được tài năng nghệ thuật thơ Nôm của Hồ Xuân Hương : thơ Đường luật viết bằng tiếng Việt, cách dùng từ ngữ, hình ảnh giản dị, giàu sức biểu cảm, táo bạo mà tinh tế.

B – NHỮNG ĐIỀU CẦN LƯU Ý

I – NỘI DUNG

1. Đặc điểm bài học

– Bài thơ trực tiếp bộc lộ tâm trạng nhân vật trữ tình qua sự cảm nhận thời gian, cảnh vật, duyên phận. Cần lưu ý mối quan hệ giữa ngoại cảnh và tâm cảnh (hình ảnh "Vầng trăng bóng xế khuyết chưa tròn" với duyên phận Hồ Xuân Hương. Hình ảnh rêu "xiên ngang mặt đất", đá "đâm toạc chân mây" với tâm trạng phẫn uất của nữ sĩ).

– *Tự tình* (bài II) thể hiện hai tâm trạng tưởng chừng như trái ngược nhưng thống nhất trong bản lĩnh, tính cách Hồ Xuân Hương : vừa buồn tủi, vừa phẫn uất, muốn vượt lên trên số phận nhưng cuối cùng vẫn đọng lại nỗi xót xa. Việc lí giải sự thống nhất này sẽ làm nổi bật lên ý nghĩa nhân văn sâu sắc của bài thơ.

2. Trọng tâm bài học

– Tâm trạng vừa buồn tủi, xót xa, vừa phẫn uất trước duyên phận.

– Khát vọng sống, khát vọng hạnh phúc của Hồ Xuân Hương : trong buồn tủi vẫn gắng gượng vượt lên trên duyên phận éo le nhưng cuối cùng vẫn rơi vào bi kịch. Bài thơ thể hiện sâu sắc tư tưởng nhân văn.

– Tài năng của Xuân Hương qua việc sử dụng từ ngữ giàu giá trị tạo hình, giàu sức biểu cảm ; cách xây dựng hình ảnh vừa gợi cảnh thiên nhiên, vừa bộc lộ tâm trạng.

II – PHƯƠNG PHÁP VÀ TIẾN TRÌNH TỔ CHỨC DẠY HỌC

1. Phương pháp dạy học

– Có thể tìm hiểu bài thơ theo hai cách :

+ Theo tâm trạng nhân vật trữ tình trong bài thơ : tâm trạng buồn tủi, xót xa ; tâm trạng phẫn uất trước duyên phận ; gắng gượng vươn lên nhưng thực tế vẫn rơi vào bi kịch.

+ Theo bố cục thơ bát cú của Đường luật : đề, thực, luận, kết.

– Phân tích những vấn đề nội dung trên cơ sở phân tích những yếu tố nghệ thuật.

2. Tiến trình tổ chức dạy học

a) Trên cơ sở phần *Tiểu dẫn* ở SGK, GV giới thiệu khái quát về tác giả Hồ Xuân Hương và sáng tác của nữ sĩ. Để hiểu *Tự tình* (bài II), cần có sự cảm nhận chung về chùm thơ *Tự tình* gồm ba bài của Hồ Xuân Hương. Ở SGK đã có văn bản *Tự tình* (bài I), GV tham khảo thêm *Tự tình* (bài III) :

TỰ TÌNH

(Bài III)

*Chiếc bách⁽¹⁾ buồn về phận nổi nênh,
Giữa dòng ngao ngán nổi lênh đênh.
Lung khoang tình nghĩa đường lai láng,
Nửa mạn phong ba luống bập bênh.
Cầm lái mặc ai lăm đổ bến,
Dong lèo thây kẻ rắp xuôi ghềnh.
Ấy ai thăm ván⁽²⁾ cam lòng vậy,
Ngán nổi ôm đàn⁽³⁾ những tấp tênh.*

(*Thơ Hồ Xuân Hương*, NXB Văn học, Hà Nội, 1982)

(1) *Chiếc bách* : bài thơ *Bách chu* trong Cổ thi dùng hình ảnh chiếc thuyền gỗ bách để gợi tâm trạng người thiếu phụ goá chồng.

(2) *Thăm ván* : chỉ việc hỏi vợ. Tục ngữ có câu : "Thăm ván bán thuyền". Mối đi thăm ván định mua về đóng thuyền mới đã vội bán thuyền cũ. Do đó *thăm ván* nghĩa là "có mối", chỉ việc hỏi vợ, lấy vợ mới.

(3) *Ôm đàn* : chỉ việc lấy chồng. Cổ thi có câu : "Bất bà tì bà quá biệt thuyền" (Không mang đàn tì bà sang thuyền người khác), ý nói không chịu lấy chồng khác.

b) Nếu giảng bài thơ theo tâm trạng nhân vật trữ tình thì nên theo trình tự : tâm trạng buồn tủi, xót xa ; tâm trạng phần uất trước duyên phận ; cuối cùng vẫn là tâm trạng bi kịch.

c) Gợi ý các bước tìm hiểu bài thơ theo bố cục

– Hai câu đề : Nỗi niềm buồn tủi của Xuân Hương được gợi lên giữa một đêm khuya. Chú ý cách cảm nhận thời gian, không gian của tác giả :

*Đêm khuya vắng vắng trống canh dồn,
Trơ cái hồng nhan với nước non.*

Cái nhịp gấp gáp, liên hồi của tiếng trống canh vừa là sự cảm nhận vừa là sự thể hiện bước đi dồn dập của thời gian và sự rối bời của tâm trạng.

Xuân Hương cảm nhận sự bẽ bàng của duyên phận :

Trơ cái hồng nhan với nước non.

Phân tích ý nghĩa biểu cảm của từ *trơ* và cách kết hợp từ trong cụm từ "trơ cái hồng nhan". Từ *trơ* đặt đầu câu có tác dụng nhấn mạnh. *Trơ* là tủi hổ, *trơ* là bẽ bàng. Thêm vào đó, hai chữ *hồng nhan* là để nói về dung nhan thiếu nữ mà lại đi với từ *cái* thì thật là rẻ rúng, mỉa mai. *Cái hồng nhan trơ với nước non* không chỉ là dầu dãi mà còn là cay đắng. Dù câu thơ chỉ nói về một vế *hồng nhan* nhưng vẫn gợi lên vế bạc phận, vì vậy nỗi xót xa càng thấm thía, càng ngấm lại càng đau. Nhịp điệu câu thơ : "Trơ/ cái hồng nhan/ với nước non" cũng là để nhấn mạnh vào sự bẽ bàng.

GV có thể so sánh từ *trơ* trong câu thơ Hồ Xuân Hương với từ *trơ* thể hiện tâm trạng nàng Kiều bị bỏ rơi không chút đoái thương : "Đuốc hoa để đó, mặc nàng nằm trơ".

Tuy nhiên, bên cạnh nỗi đau Xuân Hương là bản lĩnh Xuân Hương. Bản lĩnh ấy đã thể hiện ngay trong chữ *trơ*. Trong văn cảnh câu thơ, chữ *trơ* không chỉ là tủi hổ, bẽ bàng mà còn là thách thức. Từ *trơ* kết hợp với từ *nước non* thể hiện sự bền gan, thách đố. Nó có cùng hàm nghĩa với chữ *trơ* trong thơ Bà Huyện Thanh Quan : "Đá vẫn trơ gan cùng tuế nguyệt" (*Thăng Long thành hoài cổ*).

– Hai câu thực nói rõ hơn thực cảnh và thực tình Hồ Xuân Hương :

*Chén rượu hương đưa say lại tỉnh,
Vầng trăng bóng xế khuyết chưa tròn.*

Cụm từ "say lại tỉnh" gợi lên cái vòng quẩn quanh, tình duyên đã trở thành trò đùa của con tạo, càng *say* càng *tỉnh*, càng cảm nhận nỗi đau thân phận. Câu thơ là ngoại cảnh mà cũng là tâm cảnh, tạo nên sự đồng nhất giữa trăng và người. Chú ý mối tương quan giữa hình tượng trăng và thân phận của nữ sĩ. Cảnh tình Hồ Xuân Hương được thể hiện qua hình tượng thơ chứa đựng sự éo le :

Trắng sắp tàn ("bóng xế") mà vẫn "khuyết chưa tròn". Tuổi xuân đã trôi qua mà nhân duyên không trọn vẹn. Hương rượu để lại vị đắng chát, hương tình thoảng qua để chỉ còn phận hẩm duyên ôi.

– Hai câu luận là nỗi niềm phần uất :

*Xiên ngang mặt đất, rêu từng đám,
Đâm toạc chân mây, đá mấy hòn.*

Hai câu thơ gợi cảnh thiên nhiên và cảnh được cảm nhận qua tâm trạng như cũng mang nỗi niềm phần uất của con người. Những sinh vật nhỏ bé hèn mọn, còn hèn mọn hơn cả "cỏ nội hoa hèn" như đám rêu kia mà cũng không chịu mềm yếu. Nó phải mọc xiên, lại còn "xiên ngang mặt đất". Đá đã rắn chắc lại phải rắn chắc hơn, lại phải nhọn hoắt lên để "đâm toạc chân mây". Biện pháp nghệ thuật đảo ngữ trong hai câu luận đã làm nổi bật sự phần uất của thân phận đất đá, cỏ cây, cũng là sự phần uất của tâm trạng. Bên cạnh đó, những động từ mạnh *xiên, đâm* được kết hợp với bổ ngữ *ngang, toạc* độc đáo thể hiện sự bướng bỉnh, ngang ngạnh. Rêu xiên ngang mặt đất, đá đâm toạc chân mây như vạch đất vạch trời mà hờn oán, không chỉ phần uất mà còn là phản kháng. Cách dùng từ ngữ "xiên ngang", "đâm toạc" thể hiện phong cách rất Xuân Hương. Tác giả đặc biệt tài năng khi sử dụng các từ làm định ngữ và bổ ngữ. Những định ngữ, bổ ngữ này làm cảnh vật trong thơ Xuân Hương bao giờ cũng sinh động và căng đầy sức sống – một sức sống mãnh liệt ngay cả trong tình huống bi thương.

– Hai câu kết thể hiện tâm trạng chán chường, buồn tủi :

*Ngán nỗi xuân đi xuân lại lại,
Mảnh tình san sẻ tí con con !*

GV gợi ý, hướng dẫn HS tìm hiểu cách sử dụng từ ngữ để diễn tả tâm trạng :

Ngán là chán ngán, là ngán ngẩm. Hồ Xuân Hương *ngán* lắm rồi nỗi đời éo le, bực bề. Xuân đi rồi xuân lại, tạo hoá chơi một vòng quay luẩn quẩn. Từ *xuân* mang hai nghĩa, vừa là "mùa xuân" vừa là "tuổi xuân". Mùa xuân đi rồi mùa xuân trở lại với thiên nhiên, với muôn nghìn hoa lá cỏ cây, nhưng với con người thì tuổi xuân qua là không bao giờ trở lại. Hai từ *lại* trong cụm từ "xuân đi xuân lại lại" mang hai nghĩa khác nhau. Từ *lại* thứ nhất nghĩa là thêm lần nữa, từ *lại* thứ hai nghĩa là trở lại. Sự trở lại của mùa xuân lại đồng nghĩa với sự ra đi của tuổi xuân. Thủ pháp nghệ thuật tăng tiến, nhấn mạnh vào sự nhỏ bé dần, làm cho nghịch cảnh càng éo le hơn : *Mảnh tình – san sẻ – tí – con con*. "Mảnh tình" đã bé lại còn "san sẻ" thành ra ít ỏi, chỉ còn "tí con con" nên càng xót xa, tội nghiệp. Câu thơ được viết ra có thể là từ tâm trạng của người đã mang thân đi làm lẽ. Tuy nhiên, tầm khái quát của câu thơ lại lớn hơn một hoàn cảnh lấy chồng chung. Nó là nỗi lòng của người phụ nữ trong xã hội xưa, khi với họ hạnh phúc luôn là chiếc chăn quá hẹp.

Vừa đau buồn vừa thách thức duyên phận, gắng gượng vươn lên nhưng vẫn rơi vào bi kịch, vì cả hai điều ấy mà ý nghĩa nhân văn của bài thơ *Tự tình* (bài II) càng sâu sắc hơn, thấm thía hơn.

d) Củng cố bài học

– Về nội dung : Qua lời tự tình, bài thơ nói lên cả bi kịch và khát vọng sống, khát vọng hạnh phúc của Hồ Xuân Hương. Ý nghĩa nhân văn của bài thơ : Trong buồn tủi, người phụ nữ gắng vượt lên trên số phận nhưng cuối cùng vẫn rơi vào bi kịch.

– Về nghệ thuật : Sử dụng từ ngữ giản dị mà đặc sắc (*tro, xiên ngang, đâm toạc, tí con con,...*), hình ảnh giàu sức gợi cảm (trăng khuyết chưa tròn, rêu xiên ngang, đá đâm toạc,...) để diễn tả các biểu hiện phong phú, tinh tế của tâm trạng.

III – KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ – GỢI Ý GIẢI BÀI TẬP

1. Kiểm tra, đánh giá

GV có thể kiểm tra, đánh giá trình độ nắm bắt kiến thức của HS bằng các câu hỏi :

– Những từ ngữ, hình ảnh nào cho thấy tâm trạng vừa buồn tủi, vừa phẫn uất của Hồ Xuân Hương ?

– Ý nghĩa nhân văn toát lên từ bài thơ là gì ?

2. Gợi ý giải bài tập

– Sự giống nhau của hai bài thơ : Tác giả tự nói lên nỗi lòng mình với hai tâm trạng vừa buồn tủi, xót xa vừa phẫn uất trước duyên phận.

Cả hai bài thơ đều cho thấy tài năng sử dụng tiếng Việt của Hồ Xuân Hương : Nữ sĩ có tài năng đặc biệt khi sử dụng các từ ngữ làm định ngữ hoặc bổ ngữ : *mỡ thắm, chuông sầm, tiếng rền rĩ, duyên mồm mòm, già tom* (*Tự tình* – bài I), *xiên ngang, đâm toạc* (*Tự tình* – bài II). Hồ Xuân Hương cũng rất thành công khi sử dụng các biện pháp nghệ thuật tu từ : đảo ngữ, tăng tiến,...

– Sự khác nhau của hai bài thơ : Ở *Tự tình* (bài I), yếu tố phản kháng, thách đố duyên phận mạnh mẽ hơn. Điều này cho phép giả định *Tự tình* (bài I) được viết trước và được viết khi tác giả còn trẻ hơn lúc viết *Tự tình* (bài II).

IV – TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Lã Nhâm Thìn, *Bình giảng thơ Nôm Đường luật*, NXB Giáo dục, Hà Nội, 2002. (Phần bình giảng bài *Tự tình* – bài I và *Tự tình* – bài II.)

2. Xuân Diệu, *Hồ Xuân Hương – Bà Chúa Thơ Nôm* ; Lê Trí Viễn, *Nghĩ về thơ Hồ Xuân Hương*, trong *Hồ Xuân Hương – Về tác giả và tác phẩm*, NXB Giáo dục, Hà Nội, 2001.